TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 465/2019/DS-PT
Ngày: 24/5/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thủy**

Các Thẩm phán:

1/ Ông Nguyễn Bá Thịnh

2/ Bà Phan Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS - ST ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1854/2019/QĐPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3142/2019/QĐ-HPT ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: 21/3 khu phố A, thị trấn B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963 (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền do Văn phòng công chứng E lập ngày 27/8/2018) (có mặt).

Địa chỉ: 96/4B ấp 4, xã XT, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1 Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm1955 (vắng mặt);

2.2 Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: 88/2B khu phố 4, thị trấn B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn G là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1974 (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền do Văn phòng công chứng E lập ngày 26/12/2017) (vắng mặt);

Địa chỉ: 9/2B ấp 1, xã XT, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn D, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: 21/3 khu phố A, Thị trấn B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/9/2017 của nguyên đơn cùng các Bản tự khai do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 12/01/2016, bà Nguyễn Thị Bạch T có cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn G vay số tiền 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng, thời hạn vay 06 tháng, không thỏa thuận lãi suất, có lập hợp đồng vay tiền, tại Văn phòng công chứng E, huyện C. Việc vay tiền không có tài sản thế chấp. Quá hạn vay theo thỏa thuận, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà L, ông G trả số nợ gốc vay nêu trên nhưng bà L, ông G không trả. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L, ông G trả cho bà T số nợ gốc là 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/7/2016 đến ngày xét xử là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại các bản tự khai và hòa giải phía bị đơn - bà Nguyễn Thị L khai:

Bà L thừa nhận thời hạn vay, số tiền vay như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Do có khó khăn nên chưa thể trả nợ cho bà T. Nay bà L cũng thừa nhận còn nợ số tiền nợ gốc và lãi quá hạn như phía nguyên đơn khởi kiện tổng cộng là 1.750.000.000 (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng nhưng bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà L phải trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà L xin trả số tiền trên trong thời hạn từ 30/10/2018 đến 30/6/2019.

Ông Nguyễn Văn P là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ông Nguyễn Văn G là chồng của bà Nguyễn Thị L có vay của bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền nợ gốc 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng là đúng và cũng có cùng ý kiến yêu cầu như bà L đã yêu cầu.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn D thống nhất ý kiến như bà T yêu cầu và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 15/02/2019, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bạch T;

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn G phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Bạch T, ông Phạm Văn D số tiền vốn và lãi là 1.750.000.000 (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn - bà Nguyễn Thị L và người có quyền và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn G không đồng ý thanh toán cho bà T, ông D số tiền 1.750.000.000 (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 64.500.000 (sáu mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền tạm ứng án phí 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0032733 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/3/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS vì cho rằng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bà Nguyễn Thị L sinh năm 1955, ông Nguyễn Văn G sinh năm 1958, trên 60 tuổi thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, chiếu theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; thì bà L, ông G thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí, lệ phí tòa án. Theo quy định

tại điểm a, khoản 4 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 "Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình". Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thẩm phán không phổ biến cho bà L, ông G biết quy định của pháp luật nêu trên. Nhận thấy, bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019DS-ST ngày 15/02/2019, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có vi phạm về nội dung nên đã quyết định kháng nghị đối với bản án nêu trên về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không có yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Chủ tọa, thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị nêu trên.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn P là người đại diện hợp pháp của ông G vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông G.

[2]. Về kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh:

Xét, các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ thì bà Nguyễn Thị L sinh năm 1955, ông Nguyễn Văn G sinh năm 1958 đã trên 60 tuổi, nhưng tại Tòa án cấp sơ thẩm bà L, ông G không có đơn yêu cầu miễn án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để xem xét miễn án phí theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm bà L, ông G có nộp đơn xin miễn án phí. Xét thấy Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS nêu trên đã căn cứ vào Điều 2

Luật Người cao tuổi để xác định bà L, ông G được miễn án phí là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 148, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, điểm e khoản 1 Điều 3 Luật người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí dân sự sơ thẩm.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bạch T;

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn G phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Bạch T, ông Phạm Văn D số tiền vốn và lãi là 1.750.000.000 (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn - bà Nguyễn Thị L và người có quyền và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn G không đồng ý thanh toán cho bà T, ông D số tiền 1.750.000.000 (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn G được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền tạm ứng án phí 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0032733 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA huyện C ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thủy